

## Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi: Thực trạng và giải pháp

Socio- economic development in ethnic minority areas in Quang Ngai province- Current situation and solution

Nguyễn Diệu Hằng\*, Nguyễn Thị Yến  
Nguyen Dieu Hang\*, Nguyen Thi Yen

*Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kỹ thuật Y - dược Đà Nẵng, Đà Nẵng, Việt Nam  
Faculty of Political Theory, Danang University of Medical Technology and Pharmacy, Da Nang, Vietnam*

*(Ngày nhận bài: 13/01/2022, ngày phản biện xong: 20/4/2022, ngày chấp nhận đăng: 30/5/2022)*

### Tóm tắt

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi có 75 xã, trong đó 67 xã, thị trấn thuộc 6 huyện vùng cao (Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long và Ba Tơ); 8 xã miền núi thuộc 5 huyện đồng bằng. Diện tích đất tự nhiên 3.235,51 km<sup>2</sup>, chiếm gần 2/3 tổng diện tích toàn tỉnh; dân số toàn vùng có 236.729 người, chiếm 18,3% dân số của tỉnh. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được Đảng, Chính phủ và tỉnh Quảng Ngãi đặc biệt quan tâm, cụ thể hóa bằng các chủ trương, chương trình và đề án cụ thể [1]. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công tác xóa đói giảm nghèo ở đây đạt được những kết quả tích cực và bền vững. Đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ, y tế, văn hóa, giáo dục; các hủ tục lạc hậu ngày càng được hạn chế và đẩy lùi. Tuy nhiên, khoảng cách thu nhập và mức sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số so với các vùng khác trong tỉnh vẫn còn lớn. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác xóa đói giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an sinh và giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh.

*Từ khóa:* Kinh tế - xã hội; Dân tộc thiểu số; Quảng Ngãi.

### Abstract

The ethnic minority region of Quang Ngai province has 75 communes, of which 67 communes and towns belong to 6 highland districts (Tra Bong, Tay Tra, Son Ha, Son Tay, Minh Long and Ba To); 8 mountainous communes in 5 plain districts. Natural land area is 3,235.51 km<sup>2</sup>, accounting for nearly 2/3 of the total area of the province; The population of the whole region is 236,729 people, accounting for 18.3% of the province's population. Socio-economic development in ethnic minority areas has received special attention from the Party, Government and Quang Ngai province, concretized by specific guidelines, programs and projects. As a result, the socio-economic situation in recent years has had many positive changes, the people's lives have been increasingly improved and enhanced. The economy is constantly growing. The work of hunger eradication and poverty reduction has achieved positive and sustainable results. Ethnic minorities have more access to services, health care, culture and education; outdated procedures are increasingly restricted and pushed back. However, the gap between the income and living standards of the people compared to other regions in the province is still large. In the coming time, it is necessary to further promote sustainable poverty alleviation, socio-economic development in association with ensuring security and maintaining stability in national defense and security.

*Keywords:* Socio-economic; Ethnic minority; Quang Ngai.

\* *Corresponding Author:* Nguyen Dieu Hang, Faculty of Political Theory, Danang University of Medical Technology and Pharmacy, Da Nang, Vietnam

*Email:* ndhang@dhktyduocdn.edu.vn

## 1. Vài nét khái quát về vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi là một tỉnh duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng (đồng bằng, trung du, vùng cao), có dân cư với nhiều tộc người khác nhau sinh sống. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi có 158.292 người, chiếm 66,87% dân số toàn tỉnh, sống tập trung chủ yếu ở 6 huyện miền núi, bao gồm: 113.385 người Hrê, 26.908 người Co, 18.889 người Ca Dong và 1.100 người dân tộc thiểu số khác.

Đây là vùng có điều kiện tự nhiên khá phức tạp, nhiều đồi núi cao hiểm trở, nghiêng theo hướng Tây - Đông, có nhiều tài nguyên khoáng sản như: đá xây dựng, nước khoáng, vàng sa khoáng, quặng mica - arsen với khối lượng lớn. Khu vực miền núi có nhiều địa danh có thể khai thác du lịch như: núi Cà Đam, hồ chứa nước Nước Trong, khu căn cứ địa cách mạng Ba Tơ, Di tích quốc gia Trường Lũy... Cùng với diện tích đất đai rộng lớn, khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia hai mùa (mùa khô, mùa mưa) rõ rệt thì đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào miền núi, vùng sâu vùng xa, những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, góp phần làm chuyển biến tích cực đời sống kinh tế - xã hội của các huyện, xã miền núi. Nhìn chung, kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang trong quá trình thoát ra tình trạng tự cấp tự túc, bắt đầu tiếp cận với kinh tế thị trường. Đến cuối năm 2018, “giá trị sản xuất toàn vùng miền núi đạt trên 5.162 tỷ đồng. Trong đó, khu vực công nghiệp- xây dựng đạt trên 2.116 tỷ đồng; khu vực dịch vụ- thương mại đạt 990,7 tỷ đồng; khu vực sản xuất nông nghiệp- lâm nghiệp đạt 2.055 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 57,8 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân hộ dân tộc thiểu số ước đạt 24 triệu

đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế khu vực miền núi tính đến cuối năm 2018: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm gần 40%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm hơn 41% và Dịch vụ chiếm trên 19%” [2]. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nhất là giáo dục, y tế, văn hóa thông tin có bước tiến triển mới, gắn kết hơn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh và trong nội bộ vùng. Phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh và bền vững, vừa phát triển kinh tế vừa tái cơ cấu các thành phần kinh tế mang thế mạnh của vùng, gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội. Nhờ đó, dân trí từng bước được nâng cao, có điều kiện phát huy các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, góp phần đẩy lùi các tập tục lạc hậu. Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống có mặt được nâng lên. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, so với các vùng khác trong tỉnh thì đời sống đồng bào còn thấp, thiếu việc làm, học sinh bỏ học, tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, bệnh tật còn cao. Nhiều hủ tục lạc hậu vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số.

## 2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi – thực trạng và các giải pháp

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đặc biệt quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Điều đó được thể hiện cụ thể ở những chủ trương, chính sách trong các Văn kiện của Đảng và Nhà nước. Đại hội XIII của Đảng (2021) nêu rõ: “Quan tâm phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” [3]. Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về *Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững*

đổi với 61 huyện nghèo xác định: “Công cuộc giảm nghèo nhanh, bền vững đối với huyện nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể và đồng bộ của các cấp chính quyền, sự phối hợp tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” [4]. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030*, thông qua tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xác định: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tập trung triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” [5]. *Báo cáo chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội XIII* nêu rõ: “Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc” [6]. Tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều chủ trương, chính sách tới miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng thị trường hàng hóa, khai thác và phát huy thế mạnh của vùng. Ngày 07/12/2006, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết 05-NQ/TU Về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 với mục tiêu “Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, phấn đấu đến năm 2010 đưa các huyện miền núi cơ bản thoát khỏi tình trạng sản xuất tự cấp tự túc, từng bước tạo lập nền sản xuất hàng hóa gắn với thị trường trên cơ sở tập trung đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển mạnh mẽ kinh tế

rừng, sản xuất cây nguyên liệu, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, thủy sản. Tập trung nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện căn bản đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong vùng thông qua phát triển giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, giải quyết tốt các vấn đề đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho nhân dân” [7]. Cụ thể hóa Nghị quyết số 05 của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân đã có Nghị quyết số 17/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 Về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi đến năm 2010; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND, ngày 28/02/2008 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội miền núi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010, góp phần hoạch định kế hoạch, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi của tỉnh, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trong tỉnh. Tháng 8/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án thực hiện chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững cho tất cả 06 huyện miền núi giai đoạn 2009 - 2020. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII chỉ rõ: “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30a của Chính phủ gắn với xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án khác nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững. Thực hiện tốt việc giao đất giao rừng cho các tổ chức cá nhân. Khai thác có hiệu quả tiềm năng thủy điện, khoáng sản; khuyến khích các loại hình dịch vụ” [8]. Tiếp theo Nghị quyết 05, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XVIII ra Nghị quyết 04-NQ/TU Về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với mục tiêu tổng quát “Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, phấn đấu đến năm 2020 đưa 06 huyện miền núi thoát khỏi tình trạng huyện nghèo” [9]. Như

vậy, có thể khẳng định rằng, phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và tỉnh Quảng Ngãi đặc biệt quan tâm, thực hiện nghiêm túc.

Sự quan tâm đầu tư được thể hiện cụ thể qua các Chương trình, đề án sau: *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa (Chương trình 135 của chính phủ)*. Qua quá trình thực hiện Chương trình 135 của Chính phủ, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực về trình độ sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hàng hóa thay cho tự cung, tự cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở trên các lĩnh vực từng bước được đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, nhất là trong tổ chức và quản lý kinh tế. Theo đó, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh đã từng bước được cải thiện và nâng lên rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Chương trình 135 của Chính phủ được thực hiện trên địa bàn 43 xã đặc biệt khó khăn miền núi và 31 thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Về sử dụng vốn, đến tháng 10 năm 2020 đã giải ngân 288.347 triệu đồng/335.544 triệu đồng do Trung ương bố trí. Hỗ trợ tập huấn tham quan, giống cây trồng vật nuôi và vật tư máy móc cho 89.365/94.219 lượt hộ gia đình. Về đào tạo cán bộ và cộng đồng, đào tạo trên 5.500 lượt học viên là cán bộ xã, thôn; bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho hơn 4.890 người dân; đào tạo nghề cho 476 thanh niên con hộ nghèo là dân tộc thiểu số. Về hỗ trợ học sinh con nhà nghèo, hỗ trợ kinh phí cho 58.817 lượt học sinh con nhà nghèo các cấp đi học theo yêu cầu. Trợ giúp pháp lý miễn phí cho 4.500 lượt người dự nghe qua 145 đợt thực hiện. Về kết quả, đạt được phần lớn các nội dung đề ra, không còn tình trạng hộ đói nghèo thường xuyên, tỷ lệ hộ nghèo của các xã, thôn đặc biệt khó khăn giảm từ 71,56% đầu năm 2016 xuống còn 44,59% cuối năm 2020.

*Một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134 của Chính phủ)*. Với nội dung giao đất sản xuất nương rẫy, đất ruộng lúa; giao đất ở tối thiểu cho hộ đồng bào; hỗ trợ nhân dân xây dựng nhà ở theo phương châm: Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ và cộng đồng giúp đỡ; hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt tập trung, phân tán. Chương trình 134 của Chính phủ được thực hiện trên địa bàn 67 xã, 329 thôn thuộc 9 huyện có 13.907 khẩu thụ hưởng (06 huyện miền núi và 03 huyện đồng bằng có dân tộc thiểu số: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành). Qua 03 năm thực hiện (2015 - 2017), tổng kinh phí đã phân bổ 105.000 triệu đồng (Trung ương 91.000 triệu đồng, đạt 57,73%; tỉnh 14.000 triệu đồng, đạt 82,9%) với khối lượng thực hiện như sau: Về đất sản xuất, đã hỗ trợ 335,65 ha, đạt 53,51% giải quyết cho 597 hộ; về đất ở, đã hỗ trợ 31,22 ha, đạt 64,6%, giải quyết cho 2.115 hộ chưa có và chưa đủ đất ở; về nhà ở, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa xong 15.333 ngôi nhà cho 15.333 hộ gia đình, đạt 86,81%; về nước sinh hoạt, đã hỗ trợ cho 4.068 hộ xây dựng các công trình tạo nguồn nước sinh hoạt như đào giếng, sửa chữa bể chứa, ống dẫn nước... đạt 100%; xây dựng mới 121 công trình nước, đạt 99,1%, ước tính có khoảng 10.000 hộ trong vùng được thụ hưởng nước sinh hoạt. Có thể đánh giá Chương trình 134 của Chính phủ bước đầu giải quyết cơ bản tình trạng khó khăn về đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt, khai thác được tiềm năng đất đai, lao động và cải thiện đời sống người dân; tạo cơ hội phấn đấu, vươn lên thoát nghèo bền vững, niềm tin vào Đảng, Chính phủ và chính quyền các cấp của đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng được khẳng định sâu sắc hơn.

*Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 của Chính phủ*. Tạo điều kiện giải quyết việc làm cho thanh

niên, nhất là đồng bào dân tộc, Quảng Ngãi đã đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Năm 2016 có 197 lao động xuất khẩu, đạt 20,42% so chỉ tiêu, đến năm 2019 có 1.061 lao động xuất khẩu, đạt 35,85% so chỉ tiêu. Đồng thời thực hiện *Đề án hỗ trợ phát triển thị trường lao động* thông qua các chương trình: Tổ chức điều tra thị trường lao động; Triển khai thực hiện sàn giao dịch việc làm; Đầu tư cho trung tâm giới thiệu việc làm. Nhờ đó, tỉ lệ thất nghiệp hàng năm đều giảm. Tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng dần (năm 2015 là 78%, đến năm 2019 đạt 80%). Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 33.920 lao động, đạt 102,78%. Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách thông thoáng, mở nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trong giai đoạn 2016 - 2020 có gần 3.500 doanh nghiệp ra đời, thu hút 60.000 lao động, gần 500 trang trại đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho gần 5.000 lao động. Trong số lao động này, có không ít lao động ở các huyện miền núi, con em dân tộc thiểu số tham gia làm việc, tăng thêm thu nhập, đảm bảo và nâng cao mức sống hàng ngày. Nhìn chung, sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Ngãi có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện và nâng cao, kinh tế không ngừng phát triển. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả tích cực, tốc độ giảm nghèo đạt khá và bền vững. Đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ, y tế, văn hóa, giáo dục; các hộ tụt hậu ngày càng được hạn chế và đẩy lùi. Tuy nhiên, khoảng cách thu nhập và mức sống của người đồng bào so với các vùng khác trong vùng, trong tỉnh vẫn còn lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (năm 2010 là 35,23%); bình quân lương thực đầu người còn rất thấp (đạt 327kg/người/năm). Hiệu quả từ các chương trình, đề án của Chính phủ và của tỉnh chưa cao. Vấn đề tạo công ăn việc làm gặp nhiều khó khăn, do trình độ dân trí thấp, còn thụ động trong công tác đào tạo nghề, tìm việc làm, tâm

lý ngại xa làng, xa bản còn nặng nề. Công tác bảo trợ, hỗ trợ và cứu trợ của các cấp chính quyền cũng như các tổ chức xã hội cho đồng bào vùng đặc biệt khó khăn còn mang tính thời vụ, chưa đồng đều và chậm trễ. Nguồn lực thực hiện an sinh xã hội của tỉnh còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, diện bao phủ và mức trợ cấp chưa đáp ứng được theo yêu cầu thực tế. Công tác kêu gọi, huy động từ các tổ chức xã hội tham gia vào thực hiện an sinh xã hội cho đồng bào còn rất khiêm tốn.

Để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn với tái cơ cấu kinh tế, bảo đảm an sinh cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng sâu vùng xa đặc biệt khó khăn, thiết nghĩ cần tập trung mấy vấn đề sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục đẩy mạnh khai thác các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số. Muốn vậy, cần tạo ra cơ chế chính sách, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh gắn liền với việc đào tạo lao động có tay nghề cho con em dân tộc thiểu số. Tạo ra việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho đồng bào một cách bền vững.

*Thứ hai*, tỉnh ủy, chính quyền địa phương cần đưa ra một cơ chế, chính sách ưu đãi và có tính đặc thù dành riêng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững. Các chính sách và giải pháp xóa đói giảm nghèo phải thiết thực, đồng bộ cả về hỗ trợ phát triển sản xuất và đời sống, tạo việc làm, tiếp cận thị trường; nâng cao khả năng tự vươn lên thoát nghèo bền vững của người đồng bào dân tộc.

*Thứ ba*, thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội, bảo hiểm xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Nhất là công tác cứu trợ đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, tai nạn và những người nghèo không có khả năng lao động gặp phải sự cố rủi ro. Vấn đề này cần thực hiện linh hoạt,

kip thời và có hiệu quả. Huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia vào công tác an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số đa dạng hóa các kênh và hình thức trợ giúp xã hội và cứu trợ xã hội tự nguyện, nhân đạo dựa vào sự tham gia rộng lớn của cộng đồng xã hội trong tỉnh, trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài và tranh thủ sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế.

*Thứ tư*, xuất phát từ điều kiện kinh tế khó khăn, địa bàn vùng sâu vùng xa, nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế nên các thế lực thù địch thường lợi dụng để chống phá công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước và địa phương. Vì vậy, cần coi trọng và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn miền núi, xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh trên các địa bàn xung yếu, nhất là các “điểm nóng”, gắn chặt giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định chính trị - xã hội trong vùng và khu vực.

Tóm lại, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi luôn được Đảng, Nhà nước và tỉnh đặc biệt quan tâm và có những chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt và không ngừng được nâng cao. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác xóa đói giảm nghèo bền

vững, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an sinh và giữ vững quốc phòng, an ninh ổn định trên địa bàn, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của khu vực miền Trung và tây Nguyên cũng như cả nước.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Chương trình 135, Chương trình 134 của Chính phủ, Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ngãi.
- [2] Theo: “Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III-năm 2019”, đăng ngày 20/10/2019. <https://www.quangngai.dcs.vn>
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN 2021, tr.191.
- [4] Chính phủ (2008), Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, “Về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2008.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN 2021, tr.191.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN 2021, tr.102.
- [7] Tỉnh ủy Quảng Ngãi: Nghị quyết số 05 – NQ/TU Về phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2006 – 2010. Ngày 07/12/2006.
- [8] Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, năm 2020, tr.128.
- [9] Tỉnh ủy Quảng Ngãi: Nghị quyết số 04 – NQ/TU Về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Ngày 13/10/2011.